

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2023/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2023

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, tổ chức trực tiếp thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế:

- Cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp: Bảo hiểm xã hội Việt Nam (trong đó có các đơn vị sự nghiệp trực thuộc); Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội tỉnh); Bảo hiểm xã hội huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trực thuộc Bảo hiểm xã hội tỉnh (sau đây gọi chung là Bảo hiểm xã hội huyện);

- Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân;

- Cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp);

- Tổ chức dịch vụ thu các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người sử dụng lao động và cá nhân theo quy định của pháp luật được Bảo hiểm xã hội Việt Nam ủy quyền thu (sau đây gọi chung là tổ chức dịch vụ thu) và tổ chức dịch vụ chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật được Bảo hiểm xã hội Việt Nam ủy quyền chi trả (sau đây gọi chung là tổ chức dịch vụ chi trả);

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện cơ chế quản lý tài chính quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Các quỹ bảo hiểm: Quỹ bảo hiểm xã hội (gồm các quỹ thành phần: quỹ ốm đau và thai sản; quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; quỹ hưu trí và tử tuất), quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

2. Tài khoản thanh toán tổng hợp: Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam mở tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng thương mại, được sử dụng để tập trung các khoản thu từ tài khoản chuyên thu, tiền do ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng, kinh phí ngân sách nhà nước cấp để chi trả các chế độ cho người hưởng lương hưu trước ngày 01/01/1995, tiền thu đầu tư tài chính; thanh toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi thực hiện đầu tư tài chính; các khoản thu, chi khác.

3. Tài khoản chuyên thu: Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn mở tại chi nhánh ngân hàng thương mại và Kho bạc Nhà nước trên địa bàn, được sử dụng để tập trung các khoản thu theo chế độ của các quỹ bảo hiểm.

4. Tài khoản chi: Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn mở tại chi nhánh ngân hàng thương mại chi tiết theo từng nguồn kinh phí, từng quỹ bảo hiểm, chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản chi khác.

Điều 3. Mở tài khoản

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp và các đơn vị được giao dự toán thu, chi theo quy định tại Quyết định này được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại có chất lượng hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phản ánh các khoản thu, chi như sau:

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam mở tài khoản thanh toán tổng hợp để phản ánh các khoản thu, chi theo quy định;

b) Bảo hiểm xã hội tỉnh, huyện và Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân mở tài khoản chuyên thu để phản ánh các khoản thu các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và mở tài khoản chi để phản ánh các khoản chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Tiền lãi phát sinh trên các tài khoản này được chuyển về tài khoản thanh toán tổng hợp của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế;

c) Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội được giao nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, quỹ bảo hiểm thất nghiệp mở tài khoản tại ngân hàng thương mại để phản ánh các khoản thu, chi về chi phí quản lý (không bao gồm chi đầu tư phát triển) và các quỹ của đơn vị. Tiền lãi phát sinh trên tài khoản này được sử dụng bổ sung nguồn chi phí quản lý và các quỹ của đơn vị;

d) Các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước để phản ánh các khoản thu, chi đầu tư phát triển của đơn vị (nếu có).

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm lựa chọn các ngân hàng thương mại để mở tài khoản tiền gửi trên cơ sở danh sách ngân hàng thương mại được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại thời điểm gần nhất; báo cáo Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội quyết định để làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị nêu tại Khoản 1 Điều này thực hiện.

3. Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản và quy định việc quản lý, sử dụng tài khoản theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với cơ quan bảo hiểm xã hội.

4. Giám đốc Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Giám đốc Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân quyết định số lượng tài khoản, nơi mở tài khoản theo quy định tại điểm b, c khoản 1 và khoản 2 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định nơi mở tài khoản theo quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

6. Tổ chức dịch vụ chi trả được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại sau khi thống nhất với Bảo hiểm xã hội Việt Nam để chi trả chế độ bảo đảm đúng người hưởng, đầy đủ và kịp thời.

Điều 4. Bảo đảm thanh khoản

1. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm đảm bảo số dư trên tài khoản tiền gửi phản ánh các khoản thu, chi để thực hiện chi trả các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, chi thực hiện đầu tư tài chính và các khoản chi khác theo quy định.

2. Ngoài việc đảm bảo số dư theo quy định tại Khoản 1 Điều này, BHXH Việt Nam có trách nhiệm bảo đảm thanh khoản với mức tối đa là 1,1 tháng theo tổng dự toán chi các chế độ bảo hiểm xã hội (bao gồm cả chi từ nguồn ngân sách nhà nước), bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được giao hàng năm. Số dư này trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, được gửi tiền có kỳ hạn 01 tháng theo phương thức đầu tư tự động và được rút tại bất kỳ thời điểm nào khi Bảo hiểm xã hội Việt Nam có nhu cầu chi.

3. Trường hợp phát sinh nhu cầu chi đột xuất được cấp có thẩm quyền quyết định mà mức bảo đảm thanh khoản quy định tại khoản 2 Điều này không đảm bảo nguồn để chi trả, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định số tiền bảo đảm thanh khoản cao hơn để đảm bảo nguồn chi trả đầy đủ, kịp thời nhu cầu chi theo quy định.

CHƯƠNG II CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 5. Chuyển kinh phí chi trả chế độ và chi phí quản lý

1. Bộ Tài chính chuyển từ ngân sách trung ương một khoản kinh phí bằng mức chi bình quân một tháng của dự toán được cấp có thẩm quyền giao trong năm (trong đó có chi phí chi trả) vào quỹ bảo hiểm xã hội trước ngày 25 hằng tháng, để Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện chi trả cho người thụ hưởng trong tháng tiếp theo.

2. Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm chuyển đủ và kịp thời nhu cầu kinh phí cho các đơn vị trực thuộc, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tạm ứng, thanh toán, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho người thụ hưởng và chi phí quản lý trong phạm vi dự toán được giao như sau:

a) Chuyển định kỳ hằng tháng để chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Mức kinh phí chuyển do Bảo hiểm xã hội Việt Nam xác định trên cơ sở nhu cầu chi trả của tháng kế hoạch và số kinh phí còn dư tại địa phương. Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định thời gian chuyển và chi trả chế độ đảm bảo chi trả kịp thời cho người thụ hưởng;

Đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chuyển định kỳ hằng quý trước ngày 25 tháng cuối quý trước. Kinh phí chuyển bằng bình quân dự toán quý được giao. Trường hợp mức chi trong quý thay đổi, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân có văn bản gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam để cấp kinh phí chi trả chế độ kịp thời. Kinh phí cuối năm còn dư Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân chuyển trả về Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Trường hợp thời gian chi trả gần ngày Tết Nguyên đán và trong thời gian xảy ra thiên tai, dịch bệnh, hoặc vì lý do bất khả kháng theo công bố của cấp có thẩm quyền, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam xem xét, quyết định mức chuyển kinh phí để chi trả gộp 2 tháng cho người hưởng;

b) Chuyển kinh phí chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế: mức chuyển, thời gian chuyển thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

c) Chuyển chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (không bao gồm chi ứng dụng công nghệ thông tin và chi đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung chi thực hiện tập trung tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp theo tiến độ thực hiện) cho các đơn vị trực thuộc hằng tháng và bằng bình quân một tháng của dự toán được giao hằng năm trước ngày 10 hằng tháng; đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và các đơn vị trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hằng quý và bằng bình quân một quý của dự toán được giao hằng năm trước ngày 10 của tháng đầu tiên trong quý;

d) Chuyển kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội theo đề nghị chuyển kinh phí của đơn vị, phù hợp với tiến độ thực hiện, kế hoạch sử dụng kinh phí của dự án, nhiệm vụ, trong phạm vi dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền giao hằng năm và thời hạn của Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc điều chỉnh (nếu có);

Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ đề nghị chuyển kinh phí, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng quy định.

3. Trường hợp đến thời gian chuyển kinh phí chi trả chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho các đơn vị theo quy định nhưng chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao hoặc chưa được cấp có thẩm quyền bổ sung dự toán, chưa nhận được kinh phí do ngân sách nhà nước chuyển cho người thụ hưởng do ngân sách nhà nước đảm bảo, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển:

a) Kinh phí chi bảo hiểm xã hội (bao gồm cả nguồn do ngân sách nhà nước đảm bảo) từ quỹ bảo hiểm xã hội, chi bảo hiểm thất nghiệp từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp *theo mức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này để đảm bảo chi trả cho người hưởng;*

b) Kinh phí chi khám chữa bệnh bảo hiểm y tế: mức tạm ứng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế;

c) *Chi phí quản lý bằng bình quân một tháng của dự toán giao năm trước liền kề (không bao gồm chi ứng dụng công nghệ thông tin, chi đầu tư xây dựng cơ bản và các nội dung chi thực hiện tập trung tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam cấp theo tiến độ thực hiện).*

4. Trường hợp dự toán chi chế độ bảo hiểm xã hội từ ngân sách nhà nước đảm bảo và quỹ bảo hiểm xã hội, chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp *theo quy định được cấp có thẩm quyền giao hằng năm thấp hơn số phải chi cho người hưởng, trong khi chờ cấp có thẩm quyền điều chỉnh bổ sung dự toán, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chuyển kinh phí từ quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp để chi trả kịp thời, đầy đủ cho người hưởng theo quy định.*

Điều 6. Nguồn tài chính

1. Quỹ bảo hiểm xã hội (bao gồm cả khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp hằng năm để chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người thụ hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo);

2. Quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

3. Quỹ bảo hiểm y tế;

4. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Lập dự toán, phân bổ và giao dự toán thu, chi

1. Quy trình và trình tự thời gian lập dự toán như sau:

a) Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân lập dự toán thu, chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, dự toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập dự toán chi chế độ bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp, dự toán chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

b) Bảo hiểm xã hội Việt Nam xây dựng dự toán thu, chi chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, dự toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý và tổng hợp dự toán thu, chi của các cơ quan, đơn vị liên quan, trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua, gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 hằng năm, bao gồm:

- Thu, chi bảo hiểm xã hội;

- Thu, chi bảo hiểm y tế;

- Thu, chi bảo hiểm thất nghiệp;

- Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp;
- Kế hoạch đầu tư để bảo toàn và tăng trưởng các quỹ bảo hiểm.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giao dự toán thu, chi cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, *Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trong đó dự toán chi phí quản lý giao chi tiết thành hai phần: kinh phí thường xuyên giao tự chủ, kinh phí thường xuyên không giao tự chủ.*

Đối với dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người thụ hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo, Bộ Tài chính tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước, trình cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm phân bổ, và giao dự toán thu, chi cho các đơn vị trực thuộc; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoàn thành việc giao dự toán chi phí quản lý cho các đơn vị trực thuộc, các cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội tại địa phương.

3. Trường hợp Nhà nước ban hành chính sách, chế độ làm thay đổi dự toán đã được Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét điều chỉnh dự toán cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân tương ứng với mức điều chỉnh theo chế độ mới và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện. *Đối với việc điều chỉnh, bổ sung dự toán từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.*

4. *Đối với nguồn thu lãi tiền gửi từ tài khoản chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế phát sinh trong năm và các khoản thu hợp pháp khác không được giao dự toán: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quyết định sử dụng trên cơ sở kế hoạch, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định và quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.*

5. Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành mẫu biểu lập dự toán thu, chi quy định tại điểm a và b Khoản 1 Điều này để thống nhất thực hiện.

Điều 8. Thu và hạch toán thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

1. Cơ quan bảo hiểm xã hội, *tổ chức dịch vụ được cơ quan Bảo hiểm xã hội ủy quyền thu thực hiện* thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của các đối tượng *tham gia* và chuyên về Bảo hiểm xã hội Việt Nam để quản lý theo hướng dẫn của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Đối với số thu bảo hiểm y tế của các đối tượng do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an

nhân dân có trách nhiệm quản lý, sử dụng cho việc khám bệnh, chữa bệnh cho người tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan bảo hiểm xã hội, tổ chức dịch vụ thu thực hiện thu đủ tiền đóng và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định. Trường hợp nộp không đủ số tiền theo quy định, cơ quan bảo hiểm xã hội, tổ chức dịch vụ thu thực hiện thu theo số tiền người lao động, người sử dụng lao động đề nghị nộp vào từng quỹ, trong đó tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Trường hợp người lao động, người sử dụng lao động không đề nghị cụ thể số tiền nộp vào từng quỹ, cơ quan bảo hiểm xã hội, tổ chức dịch vụ thu thực hiện:

a) Thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế kể cả tiền lãi chậm đóng theo quy định tại khoản 4 Điều này đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật (nếu có);

b) Số tiền còn lại, hạch toán thu theo thứ tự sau đây:

- Thu đủ số tiền phải đóng bảo hiểm y tế và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm y tế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này (nếu có);

- Thu đủ số tiền phải đóng bảo hiểm thất nghiệp và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này (nếu có);

- Thu tiền đóng bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này vào các quỹ thành phần theo thứ tự: thu đủ số tiền phải đóng và lãi chậm đóng vào quỹ ốm đau, thai sản, thu đủ số tiền phải đóng và lãi chậm đóng vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thu tiền đóng và lãi chậm đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất (nếu có).

4. Tiền lãi chậm đóng, trốn đóng, chiếm dụng tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được xác định như sau:

a) Trường hợp chậm đóng bảo hiểm y tế từ 30 ngày trở lên, số tiền lãi phải thu bằng 02 lần mức lãi suất (%/năm) thị trường liên ngân hàng kỳ hạn 9 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên Cổng Thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng. Trường hợp lãi suất liên ngân hàng năm trước liền kề không có kỳ hạn 9 tháng thì áp dụng theo mức lãi suất của kỳ hạn liền trước kỳ hạn 9 tháng;

b) Trường hợp trốn đóng, chậm đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ 30 ngày trở lên, số tiền lãi phải thu bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng;

c) Trong thời hạn 15 ngày đầu của tháng 01 hằng năm, Bảo hiểm xã hội Việt Nam phải có văn bản thông báo mức lãi suất bình quân theo tháng trên cơ sở mức lãi suất bình quân quy định tại điểm b khoản này gửi cơ quan bảo hiểm

xã hội trực thuộc, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân để thống nhất thực hiện.

5. Số tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thu được, cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân quyết toán riêng với Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp và thực hiện như sau:

a) Tiền lãi chậm đóng bảo hiểm xã hội được bổ sung các quỹ thành phần theo thứ tự ưu tiên tại điểm b khoản 3 Điều này. Tiền lãi chậm đóng phát sinh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được bổ sung vào quỹ hưu trí, tử tuất thuộc quỹ bảo hiểm xã hội;

b) Tiền lãi chậm đóng bảo hiểm y tế được bổ sung vào quỹ dự phòng bảo hiểm y tế;

c) Tiền lãi chậm đóng bảo hiểm thất nghiệp được bổ sung vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 9. Hạch toán kế toán và quyết toán

1. Quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế, được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; được quản lý tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, hạch toán độc lập, cân đối thu, chi và đầu tư tăng trưởng theo từng quỹ và các quỹ thành phần của quỹ bảo hiểm xã hội.

2. Tiền sinh lời từ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong quá trình đầu tư được sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế.

3. Số tiền thu hồi từ hoạt động đầu tư các quỹ bảo hiểm được hạch toán theo thứ tự thu đủ nợ gốc trước, thu nợ lãi sau. Trường hợp có phán quyết của tòa án nêu cụ thể thì số tiền thu hồi được hạch toán theo bản án của tòa án.

4. Số quyết toán thu tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế là số tiền thực thu, gồm: số tiền đóng của người tham gia, số tiền ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ mức đóng và số tiền lãi chậm đóng (nếu có).

5. Các khoản chi sai chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản phải thu hồi theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được hoàn trả vào các quỹ bảo hiểm tương ứng. Các khoản chi sai chế độ từ nguồn chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; kinh phí còn dư đã hết nhiệm vụ chi; các khoản thu phải nộp theo kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm tra, tài chính, kiểm toán được nộp vào các quỹ bảo hiểm theo tỷ lệ chi phí quản lý của từng quỹ trên tổng số chi phí quản lý các quỹ bảo hiểm được giao trong năm.

6. Cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp phải tổ chức công tác kế toán theo đúng quy

định của pháp luật về kế toán; lập và gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền để xét duyệt, thẩm định theo quy định.

7. Xét duyệt, thẩm định, tổng hợp, lập quyết toán năm

a) Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm cho các đơn vị trực thuộc; thẩm định và thông báo quyết toán năm cho Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an;

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các đơn vị trực thuộc; tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm của các đơn vị trực thuộc và các cơ quan, tổ chức thuộc ngành lao động - thương binh và xã hội tại địa phương đã được xét duyệt, thẩm định quyết toán gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

c) Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổng hợp và lập báo cáo quyết toán năm của các cơ quan, đơn vị trình Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua, gửi Bộ Tài chính, *Kiểm toán Nhà nước.*

8. Bộ Tài chính thẩm định và thông báo quyết toán năm cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam đối với khoản kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người thụ hưởng thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Chương III

CHI PHÍ QUẢN LÝ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP, BẢO HIỂM Y TẾ

Điều 10. Xác định chi phí quản lý và nguồn đảm bảo

1. Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 11 và Điều 12 Quyết định này và xác định như sau:

a) Đối với cơ quan bảo hiểm xã hội:

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy được xác định theo số lượng người làm việc trên cơ sở vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức theo ngạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về công chức, viên chức và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên theo quy định của cấp có thẩm quyền;

- Các khoản chi đặc thù của ngành mang tính phát sinh thường xuyên hàng năm về tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản chi thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định;

b) Đối với Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Bộ Công an:

- Chi thường xuyên *phục vụ hoạt động* bộ máy do ngân sách Bộ Quốc phòng, Bộ Công an bảo đảm.

- Chi thường xuyên cho lao động hợp đồng do thù trường đơn vị thực hiện giao kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật; chi thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo quy định tại Quyết định này được bảo đảm từ nguồn chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp hàng năm và được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định;

c) *Đối với cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội:*

- *Chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp được xác định theo khối lượng công việc và giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Trong khi chưa có giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ bảo hiểm thất nghiệp, chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp được xác định theo số người làm việc được cấp có thẩm quyền phê duyệt và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên như đối với cơ quan bảo hiểm xã hội.*

- *Chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được xác định trên cơ sở nhiệm vụ được giao và mức chi theo chế độ quy định.*

2. Nguồn kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế như sau:

a) Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội.

b) Chi phí quản lý bảo hiểm y tế được trích từ khoản 10% số tiền đóng bảo hiểm y tế dành cho quỹ dự phòng và chi phí quản lý quỹ bảo hiểm y tế;

c) Chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

d) Chi phí chi trả do ngân sách nhà nước cấp để Bảo hiểm xã hội Việt Nam chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người thụ hưởng do ngân sách nhà nước đảm bảo. Mức chi phí chi trả bằng 0,54% tổng số tiền chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội (trừ khoản chi trả phí khám giám định mức suy giảm khả năng lao động, chi đóng bảo hiểm y tế). Trong đó:

- *Mức chi phí chi cho tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả và quản lý người hưởng nhận tiền qua tài khoản cá nhân bình quân tối đa 0,19% tổng số tiền chi trả qua tài khoản cá nhân;*

- *Mức chi phí chi trả bằng tiền mặt bình quân tối đa 0,73% tổng số tiền chi trả bằng tiền mặt;*

Mức trích chi phí quản lý cụ thể hằng năm từ các nguồn quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này thực hiện theo *Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*

3. Ngoài mức chi phí quản lý được giao theo khoản 2 Điều này, *cơ quan bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội* được sử dụng các nguồn kinh phí sau để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 11 Quyết định này:

a) Tiền lãi phát sinh trên tài khoản tiền gửi chi phí quản lý theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

b) Hỗ trợ của ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao (nếu có);

c) Hỗ trợ của tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước (nếu có);

d) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Chi phí quản lý bảo hiểm thất nghiệp của các trung tâm dịch vụ việc làm được giao thực hiện các nhiệm vụ về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, được hạch toán vào nguồn thu sự nghiệp của đơn vị và sử dụng theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 11. Chi thường xuyên giao tự chủ

1. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội

a) *Chi tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước, chi tiền công theo hợp đồng vụ việc (nếu có) hoặc tiền lương theo vị trí việc làm, chức danh, chức vụ, các khoản đóng góp theo tiền lương và các khoản phụ cấp theo quy định của Nhà nước.*

b) *Chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy: Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;*

c) Chi bảo đảm hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể và chế độ đối với cán bộ tự vệ theo chế độ quy định;

d) Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình của Nhà nước (không bao gồm các khoản chi quy định tại khoản 3 Điều này): Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước.

2. Chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. *Đối với một số trường hợp đặc thù của ngành thực hiện như sau:*

a) Trường hợp cơ quan bảo hiểm xã hội phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phát triển bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, thì thực hiện theo phương thức ký hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, trong đó thỏa thuận mức chi, yêu cầu về khối lượng công việc, nội dung công việc và thời gian thực hiện.

b) Trường hợp tổ chức hội nghị trực tiếp hoặc trực tuyến tư vấn, đối thoại, tri ân khách hàng; hội nghị biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Nội dung và mức chi theo quy định của Nhà nước về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ;

c) Trường hợp tổ chức lễ ra quân tuyên truyền (hỗ trợ xăng xe tham gia điều hành, thuê phương tiện, trang trí và đồng phục cho hoạt động điều hành): Thanh toán theo hóa đơn thực tế, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Trường hợp tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế trên môi trường mạng xã hội: Thanh toán theo hóa đơn thực tế, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế cho công chức, viên chức, người lao động thuộc ngành bảo hiểm xã hội; đơn vị sử dụng lao động, cơ sở y tế ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Chi tổ chức thu, chi và quản lý người tham gia, người thụ hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế

a) Chi áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 đối với toàn bộ hoạt động liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

b) Chi xây dựng, ban hành mẫu hồ sơ, quy trình nghiệp vụ về tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

c) Chi phí làm sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế: Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy trình làm sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu hiện hành;

d) Chi phí in ấn, sao chụp tài liệu, biểu mẫu, báo cáo, thông báo;

đ) Chi phí bảo quản, lưu trữ, (bản giấy và bản điện tử); chỉnh lý, số hóa hồ sơ, tài liệu;

e) Chi phí duy trì đường truyền kết nối để đảm bảo vận hành hệ thống giao dịch điện tử và các phần mềm nghiệp vụ tập trung.

g) Chi cước phí bưu chính, viễn thông để hỗ trợ, giải đáp, tư vấn chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế (gồm cước phí điện thoại, cước phí tin nhắn, cước phí bưu chính): Mức chi theo mức cước phí của nhà cung cấp dịch vụ;

h) Chi thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính, gồm: Số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa; quản lý kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ đơn giản hóa trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới. Nội dung, mức chi thực hiện theo các quy định hiện hành;

i) Chi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích: Mức chi theo cước phí bưu chính của nhà cung cấp.

k) Chi cập nhật, bổ sung, duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin, gồm: tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu, thông tin người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế; cập nhật, xác thực các thông tin cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm. Nội dung và mức chi theo quy định về tạo lập thông tin điện tử nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; quy định về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

l) Chi hỗ trợ công chức, viên chức ngành bảo hiểm xã hội tại bộ phận một cửa. Mức chi tối đa bằng mức địa phương hỗ trợ công chức, viên chức địa phương tại bộ phận một cửa;

m) Chi phí chuyển tiền trả Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại.

n) Chi trang phục y tế theo quy định của Bộ Y tế cho giám định viên bảo hiểm y tế làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, định mức 02 bộ/người/năm;

o) Chi khoán kinh phí tự túc phương tiện (gồm tiền nhiên liệu, khấu hao xe và chi phí gửi xe) đối với công chức, viên chức thường xuyên phải đi đến đơn vị sử dụng lao động, khu dân cư để xác minh, đối chiếu danh sách người tham gia, người thụ hưởng; đi đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để giám định bảo hiểm y tế; đi giám sát đơn vị dịch vụ được ủy quyền chi trả mà tự túc bằng phương tiện cá nhân và không thuộc phạm vi thanh toán chế độ công tác phí theo quy định: tối đa không quá 1.800.000 đồng/người/tháng. Mức khoán cụ thể do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi nguồn chi phí quản lý được sử dụng;

p) Chi hỗ trợ cước phí điện thoại cho một số chức danh và vị trí công tác trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam, ngoài đối tượng được trang bị điện thoại cố định tại nhà riêng, trang bị điện thoại di động theo quy định của pháp luật, tối đa không quá 250.000 đồng/người/tháng. Mức hỗ trợ cụ thể và đối tượng hỗ trợ do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định trong phạm vi nguồn chi phí quản lý được sử dụng;

q) Chi điều tra, thống kê: Chi điều tra thống kê đối với doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh chưa tham gia bảo hiểm xã hội hoặc tham gia chưa đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội; chi điều tra, thống kê kết nối dữ liệu đối tượng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam được cấp giấy phép lao động thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam; *chi điều tra, đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân tham gia, thu hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Nội dung, mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;*

r) Chi chế độ công tác phí, làm đêm, thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác phát triển đối tượng; tổ chức thu, chi trả các chế độ;

s) Chi hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để thực hiện lập danh sách tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn (gồm: chi phí in ấn, phô tô tài liệu, biểu mẫu và chi thù lao cho người lập danh sách). *Mức chi 7.000 đồng/người tính theo danh sách tăng, giảm đối tượng;* việc quản lý và sử dụng khoản kinh phí này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định;

t) Chi phí thu bảo hiểm xã hội tự nguyện, thu bảo hiểm y tế của người tham gia theo hộ gia đình, của học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (gồm: chi tập huấn nghiệp vụ và thù lao của tổ chức dịch vụ thu; in ấn, sao chụp thông báo; chi hội nghị phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế; chi tư vấn nhóm nhỏ dưới 10 người, tư vấn trực tiếp đối với từng doanh nghiệp và người lao động; hội nghị sơ kết, tổng kết). Mức chi tối đa bằng 7,5% số tiền đóng của người tham gia (không bao gồm số thu do ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân hỗ trợ), trong đó: mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm xã hội tự nguyện bình quân tối đa bằng 14% số tiền đóng của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; mức chi thù lao cho cơ sở giáo dục bình quân tối đa bằng 2,5% số tiền đóng của học sinh, sinh viên; mức chi thù lao cho tổ chức dịch vụ thu bảo hiểm y tế của các đối tượng còn lại bình quân tối đa bằng 7,0% số tiền đóng bảo hiểm y tế của người tham gia;

Mức chi thù lao cụ thể của tổ chức dịch vụ thu đối với từng nhóm đối tượng tham gia (đối tượng tham gia năm đầu, đối tượng tiếp tục tham gia) của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tiêu chí lựa chọn tổ chức dịch vụ thu do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định, phù hợp với đặc điểm vùng, miền, thực tế của từng tỉnh, thành phố và hình thức đóng;

u) Chi thường do thu vượt tổng dự toán thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và vượt các tỷ lệ phát triển đối tượng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền giao hàng năm: *Mức thường tối đa 10% chi phí thu, trong phạm vi chi phí thu quy định tại điểm b khoản này;*

Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định việc chi thường cho tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành tham gia thực hiện thu, phát triển đối

tương và chi chăm sóc, khuyến khích người lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;

v) Chi phí ủy quyền thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế bắt buộc đối doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã và cơ quan tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam có sử dụng lao động (gồm: tuyên truyền, phát triển đối tượng, thu tiền và nộp tiền đã thu cho cơ quan bảo hiểm xã hội). Mức chi tối đa bằng 4% đối với đối tượng tham gia năm đầu, tối đa bằng 1,65% đối với đối tượng tiếp tục tham gia từ năm thứ hai trở đi trên số tiền thực thu của người sử dụng lao động, người lao động theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn;

Mức ủy quyền thu cụ thể của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tiêu chí lựa chọn tổ chức dịch vụ thu do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định phù hợp với tình hình thực tế của từng tỉnh, thành phố;

x) Chi phí chi trả lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp từ quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp bằng 0,54% số tiền chi trả từ các quỹ thành phần: Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí và tử tuất (trừ các khoản chi: Phí khám giám định; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp khi trở lại làm việc; đóng bảo hiểm y tế) và chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ các khoản chi: Hỗ trợ tư vấn giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề; hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm; đóng bảo hiểm y tế) để chi tập huấn nghiệp vụ và thù lao của tổ chức dịch vụ chi trả; cước tin nhắn thông báo đến người hưởng ủy quyền cho người khác nhận thay tiền chế độ bằng tiền mặt và qua tài khoản cá nhân; khen thưởng tổ chức dịch vụ chi trả; sơ kết, tổng kết công tác chi trả. Trong đó:

- Mức chi phí chi cho tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền chi trả và quản lý người hưởng nhận tiền qua tài khoản cá nhân bình quân tối đa 0,19% tổng số tiền chi trả qua tài khoản cá nhân.

- Mức chi phí chi cho tổ chức dịch vụ được ủy quyền chi trả và quản lý người hưởng nhận bằng tiền mặt bình quân tối đa 0,73% số tiền chi trả bằng tiền mặt.

Mức chi cụ thể cho tổ chức dịch vụ chi trả theo hình thức chi trả bằng tiền mặt và theo hình thức chi trả qua tài khoản cá nhân của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quyết định. Tổ chức dịch vụ chi trả chịu trách nhiệm đối với rủi ro phát sinh trong quá trình chi trả;

y) Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích tập thể, cá nhân ngoài ngành Bảo hiểm xã hội phối hợp chỉ đạo, triển khai công tác phát triển người tham gia, tổ chức thu, chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Mức hỗ trợ đối với cá nhân không quá 5.000.000 đồng/lần và đối với tập thể không quá 25.000.000 đồng/lần; hỗ trợ không quá 04 lần/năm;

z) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

5. Chi công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát

a) Chi trang phục thanh tra chuyên ngành và cấp thẻ thanh tra theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 21/2016/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ quy định việc thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội;

b) Chi chế độ bồi dưỡng đối với người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về chế độ bồi dưỡng đối với công chức thanh tra chuyên ngành;

c) Chi chế độ công tác phí, làm đêm, thêm giờ, chi phí xăng xe hoặc thuê phương tiện phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của ngành bảo hiểm xã hội và các đơn vị phối hợp (nếu có);

d) Chi hỗ trợ động viên, khuyến khích tập thể, cá nhân ngoài ngành Bảo hiểm xã hội phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát và đôn đốc thu hồi đối với các trường hợp chậm đóng, trốn đóng, chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: *Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm y khoản 4 Điều này.*

6. Chi hoạt động của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị; các đoàn giám sát của Hội đồng quản lý: Nội dung và mức chi theo chế độ công tác phí và chế độ hội nghị đối với cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

b) Chi chế độ bồi dưỡng hàng tháng đối với các thành viên Hội đồng quản lý. Nội dung và mức chi theo quy định tại Nghị định số 72/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ quy định về nội dung chi hoạt động của Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Điều 12. Chi thường xuyên không giao tự chủ

1. Chi hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội

a) Chi nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: Thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Chi đóng niên liễm cho các tổ chức quốc tế (nếu có).

c) Chi thực hiện tinh giản biên chế theo chế độ do Nhà nước quy định.

d) Chi hỗ trợ công tác điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức, viên chức trong ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo chế độ quy định.

đ) Chi phí thuê mướn; chi phí thực hiện hợp đồng thuê khoán công việc hoặc hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động đối với những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên.

e) Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện làm việc, thuê tài sản phục vụ hoạt động: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu và pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công.

g) Chi sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ: Thực hiện theo quy định của pháp luật về sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình đã có từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước đối với cơ quan nhà nước.

2. Chi ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

3. Chi đầu tư phát triển, gồm: Đầu tư xây dựng trụ sở làm việc và giao dịch, kho lưu trữ, trung tâm ứng dụng công nghệ thông tin; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng.

Điều 13. Quản lý và sử dụng tài sản của cơ quan bảo hiểm xã hội

Việc quản lý và sử dụng tài sản hình thành từ nguồn chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Kinh phí thu được từ việc bán, chuyển nhượng, thanh lý tài sản hình thành từ nguồn chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội sau khi trừ các chi phí hợp lý liên quan đến việc bán, chuyển nhượng, thanh lý tài sản, được bổ sung quỹ phát triển hoạt động của cơ quan bảo hiểm xã hội.

Điều 14. Xử lý số dư chi phí quản lý cuối năm

1. Dự toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được cấp có thẩm quyền giao, đến cuối năm chưa thực hiện hoặc chưa được sử dụng hết, được chuyển nguồn sang năm sau để tiếp tục sử dụng gồm:

a) Chi đầu tư phát triển thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công;

b) Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm trang thiết bị đã ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;

c) Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở;

d) Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện;

đ) Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi;

e) Chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng ký trước ngày 31 tháng 12 năm thực hiện dự toán;

g) Chi ứng dụng công nghệ thông tin bố trí cho các nhiệm vụ, dự án trong năm được chuyển nguồn sang năm sau nhưng tối đa không quá thời gian thực hiện nhiệm vụ, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

2. Trường hợp nhiệm vụ thuộc nội dung được chuyển nguồn sang năm sau theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, đơn vị được giao dự toán chi phí quản lý thực hiện nộp lại các quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế tương ứng theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 Quyết định này.

Điều 15. Sử dụng kinh phí tiết kiệm

1. Khuyến khích cơ quan bảo hiểm xã hội sắp xếp lao động, tinh giản biên chế, tiết kiệm kinh phí trên cơ sở bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), được xác định là kinh phí tiết kiệm và sử dụng như sau:

a) Trích tối thiểu 5% để lập quỹ phát triển hoạt động của đơn vị để sửa chữa, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc, chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ; đào tạo, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, công chức, viên chức;

b) Trích lập quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 01 lần quỹ tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp, trừ phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ để chi bổ sung thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động trong năm; chi hỗ trợ thu hút nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao; chi hỗ trợ công chức, viên chức giúp việc thành viên Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội theo quyết định của Hội đồng quản lý; chi hỗ trợ trang phục cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động cơ quan bảo hiểm xã hội và dự phòng chi bổ sung thu nhập năm sau trong trường hợp nguồn thu nhập bị giảm do những nguyên nhân khách quan. Việc chi bổ sung thu nhập theo nguyên tắc phải gắn với hiệu quả, kết quả công việc của từng người;

c) Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi tối đa không quá 03 tháng tiền lương và thu nhập thực tế trong năm để:

- Thường định kỳ, đột xuất cho tập thể, cá nhân trong đơn vị theo hiệu quả công việc và thành tích đóng góp ngoài chế độ khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng; thưởng cho tập thể, cá nhân ngoài đơn vị có thành tích đóng góp vào hoạt động tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế của đơn vị. Mức thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Xây dựng, sửa chữa các công trình phúc lợi; chi cho các hoạt động phúc lợi tập thể của người lao động trong đơn vị; trợ cấp khó khăn đột xuất cho công chức, viên chức và người lao động, kể cả trường hợp nghỉ hưu, nghỉ mất sức; chi hỗ trợ cho người thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

2. Mức trích cụ thể của các quỹ quy định tại khoản 1 Điều này tùy thuộc vào số kinh phí tiết kiệm trong năm và việc sử dụng các quỹ do thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy chế chi tiêu nội bộ và phải công khai trong đơn vị.

3. Kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ trong năm đến cuối năm chưa sử dụng thuộc trường hợp được chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục sử dụng *theo quy định tại Khoản 1 Điều 14*, không được coi là kinh phí tiết kiệm để trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023 và áp dụng từ năm tài chính năm 2023.

2. Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Quyết định số 38/2019/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. *Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.*

Điều 17. Trách nhiệm hướng dẫn, thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính căn cứ nội dung chi, mức chi quy định tại *Điều 11 và Điều 12* Quyết định này hướng dẫn thực hiện cho phù hợp với tổ chức hoạt động của Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức thuộc ngành Lao động - Thương binh và Xã hội *được giao tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ, giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và các nhiệm vụ liên quan đến quản lý, sử dụng quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp* và hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Quyết định này để đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước.

2. Các Bộ trưởng: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Quốc phòng, Công an, Chủ tịch Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội, Tổng Giám

độc Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Tài chính – Ngân sách của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Hội đồng quản lý BHXH;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KITH (110b).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Phạm Minh Chính